SỰ RA ĐỜI CỦA TỈNH LỴ THANH HÓA THỜI ĐẦU NHÀ NGUYỄN

NGUYỄN THỊ THU HÀ*

Thanh Hoá là một tỉnh lớn vào loại nhất trên cả nước, từng được coi là một xứ, có lịch sử lâu đời và gắn bó khăng khít với lịch sử dân tộc. Chính vì thế, từ đầu Công nguyên cho đến đầu thế kỷ XIX, Thanh Hoá từng bước định hình cho mình đô thị đại diện cho xứ Thanh. Quá trình hình thành đô thị diễn ra trong suốt 2 thiên niên kỷ, lỵ sở Thanh Hoá được thay đổi liên tục qua 5 lần và 4 địa điểm, bắt đầu từ Tư Phố - Dương Xá chuyển qua Đông Phố rồi đến Duy Tinh, Yên Trường, quay trở về Dương Xá và cuối cùng là đóng tại Thọ Hạc. Công cuộc chuyển dời lỵ sở Thanh Hóa lần gần đây nhất (thời vua Gia Long) từ Dương Xá về Thọ Hạc (huyện Đông Sơn) đã biến vùng đất này từ chỗ là những làng quê thuần nông truyền thống như bao làng quê khác trở thành trung tâm đô hội hội tụ tinh hoa xứ Thanh trên mọi phương diện từ kinh tế, chính trị, quân sự và văn hoá - xã hội.

1. Từ Dương Xá đến trấn thành Thọ Hạc

Từ thời Hùng Vương, Thanh Hoá đã là một địa vực hành chính tương đối ổn định. Đây là một vùng đất "Quý địa", "Thiên thời, địa lợi, nhân hoà", chính vì thế đã cuốn hút mọi người đến đây sinh cơ lập nghiệp từ rất sớm, và chung sức với cư dân các khu vực khác ở nước ta dựng nên nhà nước Văn Lang - Âu Lạc - nhà nước cổ đại đầu tiên ở phía Bắc Việt Nam. Một trong 15 bộ hợp thành nhà nước Văn Lang có một bộ mang tên Cửu Chân. Theo kết quả khảo cứu của các nhà sử học, bộ Cửu Chân tương đương với miền đất Thanh - Nghệ ngày nay.

Trong hơn một ngàn năm Bắc thuộc, vùng đất Thanh Hoá vẫn là một bộ phận quan trọng trong đế chế Triệu, Hán, Đường. Khoảng vào năm 179 TCN, nước ta bị Triệu Đà thôn tính, và sau đó chia nước ta thành 2 quận: Giao Chỉ (tương ứng Bắc Bộ) và Cửu Chân (tương ứng Bắc Trung Bộ). Năm 111 TCN, nhà Hán điều hàng chục vạn quân xuống tiêu diệt nhà Triệu, rồi lập nên bộ Giao Chỉ gồm 9 quận, trong đó có 2 quận Giao Chỉ và Cửu Chân của nước Âu Lạc cũ rồi cử quân sang cai trị xuống tới cấp huyện. Riêng 2 quận trên địa bàn nước ta lúc bấy giờ, nhà Hán cũng như nhà Triệu chưa có điều kiện kiểm soát chặt chẽ, nên vẫn phải giao cho các Lạc tướng cai trị theo "tục cũ" (1). Trong số các huyện của Cửu Chân ở thời Hán, lần đầu tiên thấy xuất hiện tên Tư Phố. Theo sách *Tiền Hán Thư*, quận Cửu Chân gồm có 7 huyện là Tư Phố, Cư Phong, Đô Lung, Dư Phát, Hàm Hoan, Vô Thiết, Vô Biên. Sách *Hậu Hán Thư* lại chép có 5 huyện là Tư Phố, Cư Phong, Hàm Hoan, Vô Thiết, Vô Biên

*TS. Trường Đại học Hồng Đức

(thiếu 2 huyện Đô Lung, Dư Phát). Theo cách sắp xếp thứ tự các huyện như trên, người ta đều cho rằng quận trị Cửu Chân là Tư Phố. Trong sách *Thuỷ kinh chú* dẫn Địa lý chí viết "Quận Cửu Chân mở năm Nguyên Đỉnh thứ 6 đời Hán Vũ đế, trị sở là huyện Tư Phố" (2).

Vào đầu công nguyên, lợi dụng tình hình Trung Quốc đại loạn, cũng như mâu thuẫn trước thủ đoạn bóc lột và đồng hoá nhân dân ta là thời cơ và nguyên nhân bùng nổ các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc trên cả nước, với đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa của 2 nữ anh hùng Trưng Trắc và Trưng Nhị, diễn ra vào những năm 40 - 43 sau công nguyên. Chính quyền đô hộ tan rã và sụp đổ nhanh chóng, chỉ trong một thời gian ngắn, nghĩa quân đã thu phục được toàn bộ lãnh thổ nước ta thời đó. Tuy nhiên, nền độc lập được khôi khục chẳng bao lâu, nước ta lại bị tái đô hộ. Căn cứ vào sổ sách ghi chép về hành trình của Mã Viện khi tiến quân vào Cửu Chân để truy diệt các toán nghĩa quân cuối cùng, thì quận trị Cửu Chân lúc đó là Tư Phố ở khoảng làng Dương Xá (tức làng Ràng ngày nay) (3). Đất Tư Phố nằm trên hữu ngạn sông Mã, là con sông lớn nhất của quận Cửu Chân, vào giữa 2 khúc ngoẹo sông, một khúc ngược lên ngã Ba Bông, rất thuận lợi cho giao thông bằng đường thuỷ, về mặt quân sự có thể khống chế được cả một vùng rộng lớn trong lưu vực sông Mã và sông Chu. Chính vì những đặc điểm thuận lợi này, ngay từ đầu Tư Phố đã được chọn đóng quận trị. Theo nhận xét của Đào Duy Anh thì, rõ ràng đến thời thuộc Hán, vùng đất đó vẫn là nơi phồn thịnh, trù mật, nên đã được chọn làm nơi đặt quận trị Cửu Chân (4).

Sau khởi nghĩa Hai Bà Trưng, nhà Đông Hán lập lại ách đô hộ đối với nước ta, đẩy mạnh hơn chính sách nô dịch, bóc lột và đồng hoá trên quy mô lớn và kiện toàn hơn trước. Tiếp nối sự nghiệp anh hùng của Trưng Trắc, Trưng Nhị, từ đầu thế kỷ thứ II phong trào khởi nghĩa của nhân dân nổ ra liên tục kéo dài cho đến đầu thế kỷ thứ III, tiêu biểu nhất là cuộc khởi nghĩa của Triệu Thị Trinh vào năm 248. Nhân dân quận Cửu Chân đã nhiệt liệt hưởng ứng cuộc khởi nghĩa. Căn cứ đầu tiên của cuộc khởi nghĩa là Núi Nưa (huyện Triệu Sơn) và nơi Bà Triệu hy sinh tại Núi Tùng (Tùng Sơn - huyện Hậu Lộc) cả hai địa bàn này đều cách quận lỵ Tư Phố không xa, điều đó cho thấy mục tiêu tấn công của nghĩa quân lúc đó là thành Tư Phố - trung tâm quan quân nhà Ngô chiếm đóng. Dưới sự lãnh đạo của người nữ anh hùng vùng Nưa xứ Thanh, nghĩa quân đã đánh thắng quân Ngô nhiều trận, làm cho kẻ thù sợ hãi, buộc chúng phải thú nhận là "toàn thể Châu Giao đều chấn động"

Cuộc khởi nghĩa Bà Triệu sau đó bị thất bại, nhưng tinh thần yêu nước của nhân dân ta không bị dập tắt. Đến năm 542, cuộc khởi nghĩa của Lý Bí đã lật đổ chính quyền đô hộ nhà Lương và dựng nên nhà nước Vạn Xuân. Cũng giống như các thời kỳ trước đó, do thế và lực chưa đủ mạnh, nên nhà nước Vạn Xuân chỉ tồn tại được hơn nửa thế kỷ thì bị các triều đại Tuỳ, Đường đem quân chiếm đóng rồi thiết lập lại ách đô hộ. Nhà Tùy bỏ đơn vị hành chính Châu Giao, lập lại các quận cũ, trong đó có Cửu Chân (Thanh Hoá). Đến đời Đường lại bãi bỏ các quận để chia thành 12 châu, họp thành Giao Châu đô hộ phủ, tới năm 679 chính thức đổi thành An Nam đô hộ phủ (5). Quận Cửu Chân cũ (Thanh Hoá) từ năm 622 đổi thành Châu Ái, trong đó có huyện Cửu Chân. Đối chiếu trên bản đồ và một số tư liệu lịch sử khác thì Cửu Chân đời Đường là các miền 2 huyện Đông Sơn và Nông Cống ngày nay. Trên cơ sở đó, có thể khẳng định quận trị Cửu Chân từ đời

Tuỳ đã dời từ Tư Phố về Đông Phố (tức làng Đồng Pho, xã Đông Hoà, huyện Đông Sơn). Trong suốt thời kỳ đô hộ của nhà Đường thì Đông Phố vẫn là quận trị của Cửu Chân. Đông Phố là địa điểm thứ hai trên con đường xác định vị trí của tỉnh lỵ Thanh Hoá ngày nay.

Trong giai đoạn đầu độc lập tự chủ, thời kỳ chính quyền trong tay họ Khúc, Dương Đình Nghệ, trị sở châu Ái vẫn đặt tại Đông Phố (Đồng Pho). Dưới thời họ Ngô, châu trị Ái Châu là Đông Phố có bị ảnh hưởng, nhưng vẫn là nơi tập trung đô hội bậc nhất của xứ Thanh. Thời Đinh, Tiền Lê, các khu vực hành chính trong nước cơ bản được sắp xếp và kiện toàn lại một cách chính quy theo các cấp lộ, phủ, châu. Châu Ái (Thanh Hoá) với trị sở Đông Phố vẫn tiếp tục giữ vai trò quan trọng. Năm 1009, nhà Lý lên thay nhà Tiền Lê, Lý Công Uẩn chia cả nước làm 24 lộ, dưới lộ là phủ, châu. Ái Châu đổi thành lộ Thanh Hoá (cũng gọi là phủ Thanh Hoá). Lỵ sở Thanh Hoá thời kỳ này dời về đặt tại làng Duy Tinh (xã Văn Lộc, thị trấn Hậu Lộc ngày nay). Như vậy, Duy Tinh là địa điểm thứ ba của trung tâm tỉnh Thanh Hoá.

Thời Trần đổi 24 lộ thời Lý thành 12 lộ, trong đó lộ Thanh Hoá tương đương với thời kỳ nhà Lý. Đến thời nhà Hồ, lộ Thanh Hoá đổi làm trấn Thanh Đô, phủ Thiên Xương. Đến thời thuộc Minh, nước ta bị đổi thành Giao Chỉ. Về mặt hành chính, nhà Minh dựa vào tổ chức cũ mà chỉ thay đổi ít nhiều. Phủ Thiên Xương dưới thời Hồ được đổi thành phủ Thanh Hoa, lãnh 4 châu và 11 huyện. Sau 10 năm kháng chiến gian khổ, cuối cùng cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc đã giành được thắng lợi oanh liệt toàn diện và triệt để. Nước ta được chia làm 5 đạo, Thanh Hoá thuộc đạo Hải Tây. Đến đời Lê Thánh Tông đổi thành thừa tuyên Thanh Hoa (tên gọi Thanh Hoa bắt đầu có từ đây), lãnh 4 phủ, 16 huyện, 4 châu (6).

Từ đầu thế kỷ XVI cho đến giữa thế kỷ XVIII là thời kỳ đất nước rối loạn kéo dài, Thanh Hoá vừa là căn cứ địa của Nam triều, vừa là chiến trường giao tranh đẫm máu của hai tập đoàn phong kiến thù địch Bắc triều (Mạc) và Nam triều (Lê Trung hưng). Trung tâm Thanh Hoá lúc này dời về Yên Trường (nay là xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân). Năm 1759, đời vua Lê Hiến Tông, trấn Thanh Hoa chia làm hai vùng nội trấn và ngoại trấn (7). Nội trấn là vùng đất Thanh Hoá ngày nay, lỵ sở nội trấn Thanh Hoá lại về đặt tại địa điểm Dương Xá cũ.

Liên quan đến vấn đề trấn thành Thanh Hoá trong thời kỳ Hậu Lê, sách *Đại Nam nhất thống chí* chép: "Trấn thành cũ ở bãi sông Dương Xá, huyện Đông Sơn, từ nhà Lê đến Tây Sơn trấn thành ở đấy". Còn sách *Lịch triều hiến chương loại chí* chép "Khi Trung Tông lên ngôi, Thái sư (Trịnh Kiểm) lấy cớ Lam Kinh chật hẹp, chỉ có xã Yên Trường thuộc huyện Thụy Nguyên, bên tả có núi, bên hữu có sông to, hình thế rộng thoáng, cảnh tượng tươi đẹp, mới lập hành điện ở đấy. Đến khi diệt nhà Mạc trở về sau mới trở về đóng đô chỗ cũ… nhưng mỗi khi có việc cần kíp đáng lo thì trở về Yên Trường để giữ căn bản. Về sau Yên Trường cũng là cung vua, phủ chúa gọi là Nghi Kinh khoảng 200 năm cùng Biện Thượng, Sóc Sơn đều là chỗ quan trọng. Còn trấn sở Hiến ty thì đặt riêng ở huyện Đông Sơn: "… Trấn sở ở xã Dương Xá, Hiến ty ở Doanh Xá" (8).

Theo nhà nghiên cứu Phạm Văn Kính, khi nghiên cứu về nguồn thư tịch cổ kết hợp với nguồn tư liệu khảo sát thực địa, ông cho rằng:

Trấn thành Dương Xá tồn tại hơn 300 năm từ đời Lê cho đến hết thời Tây Sơn (1428-1802).

Phủ lỵ Thanh Hoá đặt ở 2 địa điểm Dương Xá và Doanh Xá.

Ở Thanh Hoá, đương thời, ngoài lỵ sở còn có Hành tại (Lam Kinh), cung vua phủ chúa (Nghi Kinh) và trung tâm chính trị khác như Sóc Sơn, Biện Thượng.

Trong các vấn đề trên có lẽ điều quan tâm hơn cả là 2 địa điểm đặt Trấn ty và Hiến ty tức Dương Xá và Doanh Xá, vì đây là vấn đề liên quan trực tiếp đến sự hình thành "phần đô" của đô thị Dương Xá. Phải nói rằng đơn vị hành chính như Phan Huy Chú đã chép cũng tương tự như ngày nay: Doanh Xá và Dương Xá ở 2 xã khác nhau. Nhưng trên thực tế Doanh Xá và Dương Xá có thể coi như là một. Doanh Xá tức Danh Xá tức Giàng trên (làng Giàng phía trên) ngày nay. Các tên Giàng trên, Giàng dưới, Giàng nội, Giàng ngoại đều cùng trong khu vực có tên chung là vùng Dương Xá. Thực ra vùng Dương Xá có phạm vi rộng hơn nhiều bao gồm cả khu vực Ngã Ba Đầu, gần như toàn phần đất của Thiệu Dương cũ (9). Nói cách khác, Trấn ty đóng ở Dương Xá, tức là "Trấn thành" hay "Thành cũ" ở bãi sông Dương Xá tức Dương Xá ngoại ngày nay. Còn Hiến ty đóng ở Doanh Xá tức làng Giàng trên. Trấn ty có thành, Hiến Ty ngoài vòng thành (10).

Kết quả nghiên cứu trên thực địa, hiện nay tại Doanh Xá không còn dấu vết gì của Hiến ty. Điều đó cũng dễ hiểu, vì không có thành trì, không có lầu son gác tía cộng thêm sự phá hoại có chủ định của con người. Còn ở Dương Xá thì hiện vẫn còn những dấu vết của toà thành và những địa danh có quan hệ đến toà thành ấy. Cụ thể như những địa danh cồn Binh (gần cửa Tiền), cồn Súng (gần cửa Tả), bãi Bia (bãi bắn bia) ở phía ngoài cửa Hữu, cột Cờ ở ngay chính diện cửa Tiền, vườn Hoa, lùi vào phía trong cột cờ một chút. Bỗng (vũng) Tàu Voi - nơi voi đầm ở gần về phía bãi Bia, kênh Hồng Ngục - nơi xử tội phạm ở ngay bên cửa Tả… (11).

So với nhiều nơi, nhiều vùng trên đất Thanh Hoá, Dương Xá là một địa điểm có rất nhiều lợi thế để trở thành đô thị. Và trong thực tế, đã có hai lần nhận được vinh hạnh ấy. Song cả hai lần, suy cho cùng đều dựa trên cơ sở chính trị. Do đó, quá trình phát sinh, phát triển và suy vong của đô thị cùng hoà theo nhịp điệu của chiều hướng chính trị. Phần "đô", tức phần trung tâm về chính trị luôn luôn không bền vững, dẫn đến tình trạng phần "thị" cũng không ổn định. Đô thị cổ Tư Phố bị suy tàn một cách nhanh chóng, ngay sau khi lỵ sở Cửu Chân phải chuyển dời đi nơi khác. Đô thị cổ Dương Xá được hình thành và phát triển trong những điều kiện thuận lợi hơn. Vì thế, Dương Xá hồi thế kỷ XVI - XVIII đã trở thành một đô thị thực thụ, mang nghĩa đầy đủ nhất. Vậy mà chỉ gần 2 thế kỷ từ khi tỉnh lỵ chuyển về Thọ Hạc, đến nay đất Dương Xá không còn bóng dáng của một chốn đô thành. Lỵ sở mất đi, vai trò chính trị mất đi thì Dương Xá lập tức trở lại nguyên hình làng quê. Đó là tình trạng chung của phần lớn đô thị cổ Việt Nam, chưa đủ sức để thoát khỏi sự ảnh hưởng của nền kinh tế tiểu nông.

2. Vua Gia Long - Người chính thức đặt nền móng cho sự ra đời của trị sở Thanh Hoá

Ngày 2 tháng 5 năm Nhâm Tuất (1802), Nguyễn Ánh lên ngôi hoàng đế, lấy niên hiệu là Gia Long, chính thức xác lập quyền thống trị của dòng họ Nguyễn trên phạm vi toàn lãnh thổ nước ta. Khác với các vương triều Lý, Trần, Lê, Gia Long quyết định chọn Phú Xuân (Huế) làm kinh đô của cả

nước. Với tư cách là vua trăm họ, năm 1803 Gia Long thực hiện chuyến Bắc tuần lần thứ nhất với hai mục đích là nhận sắc phong của nhà Thanh tại Kinh thành Thăng Long và ổn định tình hình Bắc Hà, vốn là đất cũ của nhà Lê. Trong chuyến Bắc tuần ấy, vua Gia Long đã tiến hành kết hợp đồng thời nhiều việc, trong đó có việc dời trấn thành Thanh Hoá và Nghệ An đến vùng đất mới. Theo sách *Đại Nam thực lục chính biên,* "tháng 5 năm Giáp Tý, triều Gia Long thứ 3 (1804) đã quyết định dời trấn thành Thanh Hoá và Nghệ An đi nơi khác. Trước khi là vua Bắc Tuần, xa giá qua lỵ sở hai trấn ấy (lỵ sở Thanh Hoá cũ ở xã Dương Xá, huyện Đông Sơn, lỵ sở Nghệ An cũ ở xã Dũng Quyết, huyện Chân Lộc) bàn muốn dời đi nơi khác, bèn trải xem địa thế định lấy Thọ Hạc (tên xã thuộc huyện Đông Sơn) làm trấn lỵ Thanh Hoá" (12).

Trong tài liệu *Thành phố Thanh Hoá xưa và nay* còn lý giải thêm về sự kiện quan trọng này "tháng 9 năm Quý Hợi (1803), vua Gia Long ra Thanh Hoá ở lại 26 ngày, từ ngày Ất Tỵ tháng Chín đến ngày Canh Ngọ tháng Mười mới ra thành Thăng Long để chờ tấn phong của nhà Thanh. Vậy trong 26 ngày đó chắc chắn giữa nhà vua và các nhà phong thủy đã luận bàn cân nhắc về khu đất Hạc Thành để cuối cùng quyết định dời trấn thành Thanh Hoa từ Dương Xá về làng Thọ Hạc" (13).

Liên quan trực tiếp đến sự kiện này, trong *Đại Nam thực lục chính biên* còn cho biết thêm: "tháng 5 năm Giáp Tý (1804), vua Gia Long xuống chiếu cho tả quân Lê Văn Duyệt đốc xuất việc xây thành đắp luỹ, để chuyển dời lỵ sở Thanh Hoá từ Dương Xá về Thọ Hạc (huyện Đông Sơn)" (14).

Một số bộ sách khác thời Nguyễn như *Đại Nam thực lục chính biên, Đại Nam nhất thống chí, Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ*... cho biết, trấn thành Thanh Hoá thời Gia Long (1802-1820), chủ yếu được xây bằng đất, nhà cửa trong thành dựng tạm bằng tranh tre nứa lá, nhưng lại không cho biết về quy mô, diện tích... của trấn thành Thanh Hoá. Việc chuyển dời lỵ sở Thanh Hoá từ Dương Xá về Thọ Hạc huyện Đông Sơn mà các bộ sử nhà Nguyễn đã ghi chép, phù hợp với khảo sát của Le Breton trong sách *La Province de Thanh Hoa - La Revue Indochinoise* (15).

Từ các tài liệu trên, kết hợp với nguồn tài liều điền dã trên địa bàn nghiên cứu, đã khẳng định, tháng 5 năm Giáp Tý, triều Gia Long thứ 3 (Tức tháng 6 - 1804) là thời điểm trấn thành Thanh Hoá chính thức được chuyển dời từ Dương Xá (Đông Sơn) về Thọ Hạc (Đông Sơn).

Xét về phong thuỷ, Hạc Thành xây dựng trên một thế đất quý. Dòng sông Mã phía Bắc chảy lượn như ôm bọc lấy vùng đất. Sông Bố Vệ ở đằng Nam gọi là "tốn thuỷ" cũng rất tốt. Theo nhà địa lý học nổi tiếng Phạm Thành Đại "Quý thuỷ nhiễu đông thành, vĩnh bất kiến binh đao", tức là "hạc Thành phi chiến địa", mảnh đất bình yên muôn thuở, tránh cho thành khỏi bị "tật phong". Phía Tây Bắc các núi Phượng Lĩnh (Rừng Thông - Sơn Viên), An Hoạch (núi Nhồi - Nhuệ Sơn), như phượng hoàng giang cánh, như voi ngựa họp bàn. Thành mở 4 cửa, cửa Nam là cửa Tiền, có núi Long, núi Hổ làm tiền án. Đó là "Long, hổ đồng hội kiến; Sơn hải cộng trị giao; Xã tắc như thạch diện; Hồng thuỷ bất ba đào" (Nghĩa là: Rồng cọp cùng họp mặt như bầu bạn chung sống. Đất nước vững bền như như toà điện bằng đá. Sông biển chẳng bao giờ nổi sóng gió).

Ngoài những yếu tố phong thuỷ đặc biệt nói trên, "Hạc Thành bốn phương tám hướng đều có đường thuỷ, bộ đi lại thuận

tiện, theo binh pháp cổ là kiểu đất "thông địa" rất tốt cho việc xây thành, đóng binh, dựng trại. Bởi vậy Hạc Thành là sở đắc của vua quan triều Nguyễn, là hình ảnh đẹp trong hồn thơ yêu quê hương đất nước một thời còn vang vọng" (16).

Một điều kiện thuận lợi nữa cũng vô cùng quan trọng của Hạc Thành là nằm ở địa bàn trung tâm khá bằng phẳng, liền kề với các địa phương có các ngành nghề thủ công truyền thống tương đối phát triển. Phía Tây có nghề làm đá thủ công ở Nhuệ Thôn - An Hoạch; phía Đông Bắc có làng Đức Thọ Vạn (Lò Chum), Cốc Hạ, chuyên sản xuất chum vại, tiểu sành. Ngoài ra, ở huyện Đông Sơn còn có các làng Trà Đúc (làng Chè), chuyên đúc đồng, làng Đồng Pho chuyên sản xuất giấy bản...

Như vậy có thể thấy, Thọ Hạc là đất "quý địa" hội tụ đầy đủ các yếu tố "cần và đủ" để định vị và xây dựng thành trung tâm tỉnh lỵ Thanh Hoa lúc bấy giờ. "So với các vị trí khác, như Lam Kinh (Thọ Xuân), Thăng Long (Hà Nội), Phú Xuân (Huế), về mặt phong thuỷ, thành Thọ Hạc vừa có những nét tương đồng vừa có những yếu tố riêng tạo nên đặc trưng của một toà thành ở vùng đồng bằng cận biển" (17).

Sau khi đã chuyển dời lỵ sở về địa điểm mới, để thành lập nên khu trấn lỵ vào năm 1804, ngoài đất thôn Thọ Hạc, vua Gia Long cho sáp nhập thêm các thôn Phú Cốc, Mật Sơn. Như vậy, diện tích Thọ Hạc đến đây được mở rộng. Thọ Hạc được chia làm 2 giáp là giáp Đông Phố và giáp Nam Phố, nằm xung quanh thành Thanh Hoá. "Giáp Đông Phố có 10 ấp: Văn Trường, Đông Trường, Tiền Nghĩa, Hậu Thành, Đông Lân, Đông Lạc, Tả Biên, Phú Mỹ, Hữu Biên, Bắc Biên. Giáp Nam Phố có 7 ấp: Tân Lý, Hữu Môn, Tiền Môn, Nhân Lý, Đông Lý, Nam Lý, Đông Thành" (18).

Đối chiếu với địa hình thành phố Thanh Hóa hiện nay, vị trí các ấp tương ứng như sau: Văn Trường (khoảng ngã Ba bia), Đông Trường (khoảng nhà thờ Thiên chúa giáo), Tiền Nghĩa (khoảng Ngân hàng Thành phố), Hậu Thành (Khoảng Cửa hậu), Đông Lân (khoảng đầu làng Hạc), Đông Lạc (khoảng trụ sở Công an thành phố và Cảnh sát giao thông tỉnh), Tả Biên (khoảng hai phố Trần Phú và Hà Huy Tập), Phú Mỹ (khu vực Tống Duy Tân), Hữu Biên (khu vực cửa hàng Intershop), Bắc Biên (khu vực Quán Giò - Hàng Hương), Tân Lý (khu vực Ga xe lửa), Hữu Môn (khu vực Dương Đình Nghệ), Tiền Môn (khu phố Nguyễn Trãi), Tân Lý (khu vực Xí nghiệp điện cơ), Đông Lý (khoảng trụ sở UBND phường Ba Đình), Đông Thành (khu vực Sân vận động tỉnh). Tuy vậy, từ năm 2000 trở lại đây rất nhiều công trình xây dựng mọc lên, mở rộng đường giao thông, mở rộng thành phố nên đã làm xáo trộn ít nhiều không gian một số khu phố trước đây.

Như vậy có thể khẳng định, vua Gia Long với việc định vị vùng đất Thọ Hạc huyện Đông Sơn thành trấn thành Thanh Hoá từ tháng 5 năm Giáp Tý (Gia Long thứ 3 - 1804), đã chính thức mở đầu cho sự phát triển của tỉnh lỵ Thanh Hoá. Từ đó, Thọ Hạc trở thành trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá của trấn Thanh Hoá và là một trong 29 doanh, trấn của nước ta thời đó.

3. Cải cách hành chính của vua Minh Mệnh và tác động đến trấn thành Thanh Hoá

Nhằm mục đích củng cố và thâu tóm mọi quyền lực, năm 1831 - 1832, vua Minh Mệnh tiến hành công cuộc cải cách hành chính trên phạm vi toàn quốc. Năm 1831, vua Minh Mệnh cho xoá bỏ tên gọi và đơn vị hành chính cấp trấn từ khu vực Phú

Xuân trở ra Bắc, thành lập 18 đơn vị hành chính mới với tên gọi là "tỉnh" bao gồm: Quảng Bình, Quảng Trị, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hoá, Ninh Bình, Nam Định, Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Quảng Yên, Sơn Tây, Bắc Ninh, Tuyên Quang, Hưng Hoá, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng.

Tiếp đó, vào năm Minh Mệnh thứ 13 (1832), ông cho xoá các Dinh trấn ở phía Nam và thành lập 12 tỉnh từ phủ Thừa Thiên vào tận Hà Tiên bao gồm: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Thuận, Phiên An, Biên Hòa, An Giang, Vĩnh Long, Định Tường, Hà Tuyên.

Như vậy, sau cải cách hành chính của vua Minh Mệnh cả nước ta có 30 tỉnh thành và phủ Thừa Thiên. Vua Minh Mệnh cũng xoá bỏ luôn chức trấn thủ và thay vào đó chức là Tuần phủ đứng đầu mỗi tỉnh. Ngoài ra, còn có tổng đốc trông coi công việc của hai hoặc 3 tỉnh. Dưới quyền tuần phủ có chức bố chánh, án sát, lãnh binh...

Cũng trong năm 1831, vua Minh Mệnh lấy riêng nội trấn Thanh Hoá đặt làm tỉnh Thanh Hoa. Năm Thiệu Trị thứ 3 (1843), đổi lại thành tỉnh Thanh Hoá. Tên tỉnh Thanh Hoá ra đời từ đó và tồn tại cho đến ngày nay. Như vậy, sau cuộc cải cách hành chính của vua Minh Mệnh, tên gọi "trấn thành" của trấn Thanh Hoá chuyển sang gọi "tỉnh thành" của tỉnh Thanh Hoá. Nhưng việc thay đổi tên gọi đó không làm mất đi chức năng là trung tâm kinh tế, chính trị, quân sự, văn hoá của tỉnh lỵ Thanh Hoá đối với xứ Thanh. Trước hết, vì Tổng đốc Thanh Hoá là người trực tiếp chịu trách nhiệm trước vua về mọi phương diện kinh tế, chính trị, văn hoá... của Thanh Hoá và dinh Tổng đốc đóng trong thành Thanh Hoá. Thành cổ Thanh Hoá (được quen gọi với cái tên Hạc Thành) xây dựng từ năm Gia Long thứ 3 (1804). Thành lúc đầu được xây bằng đất đến năm Minh Mệnh thứ 9 (1828) mới được xây dựng bằng gạch, đá, với thành cao, hào sâu, bên trong có các cơ quan khá bề thế và những khu cư dân đông đúc. Sách *Đại Nam nhất thống chí* cho biết: "Thành tỉnh Thanh Hoá chu vi 630 trượng, cao 1 trượng, mở 4 cửa, hào rộng 8 trượng 8 thước, sâu 6 thước 5 tấc, ở địa phận xã Thọ Hạc, huyện Đông Sơn. Từ đời Lê về trước tỉnh thành ở địa phận các xã Yên Trung và Yên Lãnh, huyện Thuỵ Nguyên, sau dời đến bờ sông xã Dương Xá, huyện Đông Sơn. Bản triều năm Gia Long thứ 3 dời đến địa phận xã Thọ Hạc hiện nay; năm Minh Mệnh thứ 9 xây gạch và đá"(19).

Thành Thanh Hoá có 4 cửa: Cửa tiền phía Nam, cửa hậu phía Bắc, cửa tả phía Đông Nam, cửa hữu phía Tây Nam.

Về mặt phong thuỷ, trước mặt cửa tiền, xa xa là núi Mật, hình thế Hổ nằm, và dãy núi Long chạy dài, Hổ và Rồng nằm chầu. Cửa tiền quanh năm đóng kín không người qua lại chỉ khi nào vua ra mới mở, sau khi các quan tỉnh đã làm lễ cáo yết trời đất. Chính vì vậy dân gian có câu: "Thanh vô tiền, Nghệ vô hậu" (Thành Thanh Hoá không mở cửa tiền, thành Nghệ An không mở cửa hậu) (20). Sở dĩ có điều như vậy vì tin theo truyền thuyết phong thuỷ, người ta cho rằng trước cửa tiền có hai quả núi đá thế Long và Hổ đấu nhau (Long Hổ tương đấu) nên mở cửa tiền ra thì các quan đầu tỉnh trong thành sinh ra bất hoà, xung đột với nhau. Cửa có người qua lại náo nhiệt nhất là cửa tả. Cửa hậu và cửa hữu vẫn có người ra vào nhưng ít hơn. Các cơ quan trong tỉnh đóng trong thành, trong thành có các hành cung là nơi để nhà vua dừng chân tạm trú khi đi ngang qua tỉnh. Trước mặt có cột cờ cao, bên phải có khu chứa lúa gạo và thuốc

đạn, bên trái có dinh thự ba quan đầu tỉnh, sau lưng có trại lính và nhà giam.

Thành Thanh Hoá được gấp rút xây dựng vào năm Minh Mệnh thứ 9 (1828), tuy có ảnh hưởng của lối xây dựng thành trì kiểu Vauban (1633-1707) du nhập vào nước ta từ thế kỉ XVIII, nhưng vẫn giữ được cấu trúc thành trì truyền thống kiểu phương Đông. Bên cạnh đó, các đền thờ miếu mạo cũng được xây dựng rải rác xung quanh thành.

Thành Thanh Hoá có chu vi bằng thành Nghệ An (xây dựng năm Minh Mệnh thứ 12 (1831), thành Bình Định (xây dựng năm Gia Long thứ 16 (1817)... Đây là hệ thống thành trì kiên cố, độc đáo mà các vua nhà Nguyễn đã xây dựng, nhằm củng cố vương quyền họ Nguyễn trên phạm vi cả nước.

Với những bước phát triển trên, đến nửa đầu thế kỉ XIX, thành Thanh Hoá (Hạc Thành) đã trở thành một trung tâm dự trữ lương thực, thuốc súng, tiền, muối của cả tỉnh Thanh Hoá. Bên cạnh đó, nhà Nguyễn cũng đã biến Hạc Thành thành một trung tâm quân sự có mặt của lãnh binh, phó lãnh binh, voi chiến, súng thần công, lính thường trực... sẵn sàng bảo vệ cho trấn thành Thanh Hoá nói riêng và cả tỉnh thành Thanh Hoá nói chung. Trong điều kiện (gần như suốt thế kỉ XIX), ở lưu vực sông Mã luôn náo động bởi hàng loạt các phong trào nổi dậy của nông dân làng xã, thì việc biến Hạc Thành trở thành pháo đài kiên cố là một giải pháp bắt buộc để đảm bảo thế ổn định của vương quyền ở vùng đất này.

*

Như vậy, quá trình hình thành trấn thành Thọ Hạc được thai ngén suốt hơn một ngàn năm Bắc thuộc và gần một ngàn năm phong kiến. Trong gần hai thiên niên kỷ ấy, quận trị, lỵ sở Thanh Hoá được thay đổi liên tục qua năm lần và bốn địa điểm, bắt đầu từ Tư Phố - Dương Xá, chuyển qua Đông Phố rồi đến Duy Tinh, Yên Trường, quay trở về Dương Xá và cuối cùng là đóng tại Thọ Hạc.

Từ năm 1804, khu vực Thọ Hạc huyện Đông Sơn đã chính thức trở thành trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội của cộng đồng cư dân xứ Thanh, góp phần quan trọng để vua Gia Long và các ông vua kế vị của triều Nguyễn củng cố vương quyền ở lưu vực sông Mã. Từ đó, đô thị Thanh Hoá ra đời, vận động phát triển trong thể chế quân chủ cuối cùng ở nước ta. Trên phạm vi 14 tỉnh của "Xứ Trung Kỳ", vào ngày 12-7-1899 vua Thành Thái ra Đạo Dụ thành lập 6 trung tâm đô thị là Thanh Hoá, Vinh, Huế, Hội An, Quy Nhơn, Phan Thiết. Tiếp đó, ngày 30-8-1899, toàn quyền Đông Dương ký nghị định chuẩn y Đạo Dụ trên.

Hơn hai trăm năm qua, trấn thành Thọ Hạc xưa, thành phố Thanh Hóa ngày nay trở thành một đô thị, giữ vị trí trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội của tỉnh Thanh Hóa. Việc lựa chọn vị trí đặt đô thị tỉnh lỵ Thanh Hoá của vua Gia Long là đúng đắn, sáng suốt, có tầm nhìn bao quát về sự định hình cho phát triển bền vững trong tương lai.

CHÚ THÍCH

(1). Hình thức quản lý của các Vua Hùng thời kỳ Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc

(2). Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1964, tr. 39-40

(3). Đinh Xuân Lâm, Lê Đức Nghi, *Thành phố Thanh Hóa (1804- 1947),* tập 1, Nxb Thanh Hóa, 1990, tr.7.

(4). Đào Duy Anh, sđd, tr.42.

(5). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Bản dịch của Phạm Trọng Điền, Đào Duy Anh hiệu đính, tập 2, Nxb. Thuận Hóa, Thừa Thiên Huế, 2006, tr 197.

(6). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Bản dịch của Phạm Trọng Điềm, Đào Duy Anh hiệu đính, tập 2, Nxb. Thuận Hóa, Thừa Thiên Huế, 2006, tr 197.

(7). Ngoại trấn là đất 2 phủ Trường Yên và Thiên Quang. Phủ Trường Yên thuộc huyện Yên Khánh và phủ Thiên Quang thuộc huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình ngày nay.

(8). Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972, tr. 141.

(9). Khoảng những năm 60 của thế kỷ XX, xã Thiệu Dương gồm các xã Thiệu Tân, phường Thiệu Khánh và phường Thiệu Dương hiện nay.

(10). Huyện ủy - HĐND - UBND huyện Thiệu Hóa, *Địa chí huyện Thiệu Hóa*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 239 - 240.

(11). Huyện ủy - HĐND - UBND huyện Thiệu Hóa, *Địa chí huyện Thiệu Hóa*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 239 - 240.

(12). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên đệ nhất kỷ,* tập 3, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1963, tr 189.

(13). Hội Khoa học lịch sử Thành phố Thanh Hóa, *Thành phố Thanh Hóa xưa và nay, tập 1*, Nxb Thanh Hóa, 2010, tr. 103. Theo sách *Thành phố Thanh Hoá xưa và nay* (tập 1) cho hay, vua Thành Thái khi ngự giá qua thành Thanh Hoá đòi mở cửa chính Nam (được lắp đặt năm 1828 dưới triều Minh Mệnh) cho ngài vào thì các quan đầu tỉnh đều sụp lạy Ngài đừng làm cái việc tai hại đó. Vì họ tin rằng, trước mặt thành có 2 núi "Long - Hổ tọa sơn" mở cửa thành sẽ xảy ra "long hổ đấu", trong nội bộ các quan đầu tỉnh sẽ có sự bất hoà, lục đục. Nhưng nhà vua không nghe. Ngài ra lệnh phải mở cửa thành để Ngài vào hành cung. Từ đó cửa chính Nam mang tên cửa Tiền, cửa chính Bắc mang tên cửa Hậu, xoá bỏ câu phương ngôn "Thanh vô tiền, Nghệ vô hậu". Nhưng cửa Tiền cũng chỉ mở khi có Vua về Thanh Hoá, còn các ngày thường vẫn đóng kín.

(14). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên đệ nhất kỷ,* tập 3, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1963, tr 189.

(15). Le Breton, *La Province de Thanh Hoa* - La Revue Indochinoise, Ha Noi, 1918.

(16). Hội Khoa học lịch sử Thành phố Thanh Hóa, *Thành phố Thanh Hóa xưa và nay, tập 1*, Nxb Thanh Hóa, 2010, tr. 103.

(17). Nguyễn Thị Thu Hà, "Vị thế thành phố Thanh Hóa từ góc nhìn địa - văn hóa", Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á,* số 9, 2012, tr.82

(18). Đinh Xuân Lâm, Lê Đức Nghi, *Thành phố Thanh Hóa (1804 -1947),* tập 1, Nxb. Thanh Hóa, 1990.

(19). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Bản dịch của Phạm Trọng Điềm, Đào Duy Anh hiệu đính, tập 2, Nxb. Thuận Hóa, Thừa Thiên Huế, 2006, tr 282.

(20). Theo sách *Thành phố Thanh Hoá xưa và nay* (tập 1) cho hay, vua Thành Thái khi ngự giá qua thành Thanh Hoá đòi mở cửa chính Nam (được lắp đặt năm 1828 dưới triều Minh Mệnh) cho ngài vào thì các quan đầu tỉnh đều sụp lạy Ngài đừng làm cái việc tai hại đó. Vì họ tin rằng, trước mặt thành có 2 núi "Long - Hổ tọa sơn" mở cửa thành sẽ xảy ra "long hổ đấu", trong nội bộ các quan đầu tỉnh sẽ có sự bất hoà, lục đục. Nhưng nhà vua không nghe. Ngài ra lệnh phải mở cửa thành để Ngài vào hành cung. Từ đó cửa chính Nam mang tên cửa Tiền, cửa chính Bắc mang tên cửa Hậu, xoá bỏ câu phương ngôn "Thanh vô tiền, Nghệ vô hậu". Nhưng cửa Tiền cũng chỉ mở khi có Vua về Thanh Hoá, còn các ngày thường vẫn đóng kín.